

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-PT

Ngày 12 - 9 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 101/2022/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kiều V, sinh năm 1993, (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1991, (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Hiền Trường, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Trần Văn N, sinh năm 1991.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2022, lời khai của các đương sự trong quá trình tố tụng và tại Tòa án thống nhất xác định: Chị Nguyễn Kiều V và anh Trần Văn N xây dựng hôn nhân trên tình cảm yêu thương và tự nguyện, được tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục tập quán, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã L, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/4/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau này anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cả hai không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống chung, mặc dù đã được hai bên gia đình tổ chức hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên anh chị mỗi người sống một nơi, chị V về nhà cha mẹ ruột sống, còn anh N về nhà ông bà của anh để sống. Trong thời gian không sống chung, anh chị không còn sự quan tâm nhau và tình cảm không còn. Nay chị V khởi kiện xin ly hôn, anh N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V.

Về con chung anh chị thống nhất xác định: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Tú N1, sinh ngày 29/10/2012 và Trần Tú N2, sinh ngày 08/01/2019, trong thời gian sống chung anh chị cùng trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, từ khi ly hôn chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi hết hai con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N yêu cầu được nuôi 01 con chung là cháu Trần Tú N2, sinh ngày 08/01/2019.

Về điều kiện kinh tế để nuôi con: Theo chị V xác định, hiện tại chị bán tạp hóa và bán mỹ phẩm tại nhà. Đồng thời, chị đang canh tác nuôi tôm, cua, cá trên phần đất diện tích khoảng 10 công (tầm cây) do cha mẹ ruột là ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B cho, tại ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Thu nhập của chị mỗi tháng khoảng 10.000.000đ, nên đảm bảo việc nuôi các con chung đến trưởng thành. Còn theo anh N xác định, hiện anh làm nghề thu mua cua, thu nhập một tháng 10.000.000đ, nên anh cũng đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ anh chị thống nhất xác định: Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, vợ chồng không thiếu nợ ai, nên cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 101/2022/HNGĐ-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Kiều V và anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Trần Tú N1, sinh ngày 29/10/2012 và Trần Tú N2, sinh ngày 08/01/2019 cho chị Nguyễn Kiều V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại các con đang sống với chị V nên giữ nguyên. Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/7/2022, bị đơn anh Trần Văn N kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Tú N2, sinh ngày 08/01/2019. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Trần Văn N vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ý kiến tranh luận của trợ giúp viên ông Trần Hiền Trường trình bày ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh N: Cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi giải quyết, cấp sơ thẩm giao hết hai con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là không đảm bảo quyền nuôi con của anh N, hơn nữa việc giao hết hai con chung cho chị V nuôi dưỡng sẽ tạo thêm gánh nặng cho chị V, không đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh N, giao cháu Trần Tú N2, sinh ngày 08/01/2019 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Kiều V phát biểu tranh luận: Hiện nay chị có buôn bán, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện về kinh tế để nuôi hết hai con, anh N hàng ngày phải đi thu mua cua thì không thể trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con được, hiện nay anh N đang sống chung với ông bà ngoại đã già yếu, bệnh tật không thể phụ giúp anh N trông giữ cháu được, nên chị không đồng ý giao con cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, khi giao con cho cha mẹ nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con. Khi giải quyết giao con cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét điều kiện nuôi con của các bên và giao hai con chung là cháu Trần Tú N1, sinh ngày 29/10/2012 và Trần Tú N2, sinh ngày 08/01/2019 cho chị Nguyễn Kiều V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để giữ ổn định cho các cháu là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn N, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 101/2022/HNGĐ-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại Quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 101/2022/HNGĐ-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu về quan hệ hôn nhân và án phí, chị V và anh N không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên cấp phúc thẩm không đặt ra, xem xét.

[2] Xét kháng cáo của anh Trần Văn N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Tú N2, sinh ngày 08/01/2019. Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con”, Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, chị V và anh N không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con, nên Tòa án quyết định. Tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân gia đình về nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng quy định: “Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...”. Tuy nhiên, việc giao con cho chị V và anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phải căn cứ vào điều kiện của người nuôi dưỡng và phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho người được nuôi dưỡng.

[2.1] Xét các điều kiện nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy chị V và anh N đều có đủ các điều kiện để nuôi con, không ai bị hạn chế quyền nuôi con theo quy định tại Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị V xác định có nghề nghiệp buôn bán tạp hóa, mỹ phẩm tại nhà và canh tác phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 10 công do cha mẹ ruột chị cho, nên tổng thu nhập mỗi tháng của chị khoảng 10.000.000đ; còn anh N cũng xác định anh có nghề đi thu mua của bán lại cho các vựa mỗi ngày thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

[2.2] Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của anh N, chị V. Tuy nhiên, việc giao hết hai người con chung cho một mình chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sẽ gây khó khăn cho chị V và sẽ không đảm bảo được sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về mọi mặt, không đảm bảo quyền lợi tốt nhất của các cháu. Nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh N, giao cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một con chung, nhằm giảm bớt gánh nặng cho chị V và cũng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu.

[2.3] Xét yêu cầu của anh N yêu cầu được nuôi cháu Trần Tú N2, sinh ngày 08/01/2019. Hội đồng xét xử xét thấy, tính đến thời điểm xét xử cháu N2 chưa tròn 04 tuổi, ở lứa tuổi này cháu rất cần sự chăm sóc nhiều hơn từ người mẹ. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Trần Tú N2, sinh ngày 08/01/2019 cho chị Nguyễn Kiều V tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Trần Tú N1, sinh ngày 29/10/2012 cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Tuy nhiên, trong thời gian chị V, anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị V, anh N có căn cứ cho rằng chị V, anh N không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp anh chị lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chị V và anh N đều không đặt ra yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Trợ giúp viên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh N, giao cháu Trần Tú N2, sinh ngày 08/01/2019 cho N nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích chỉ có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của Trợ giúp viên, giao cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một con chung.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh N, tiếp tục giao hai con chung cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích thì đề nghị của Kiểm sát viên chưa phù hợp, chưa đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chưa thành niên, nên không được chấp nhận.

[6] Các phần Quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 101/2022/HNGĐ-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm:

[7.1] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Kiều V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Kiều V đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ, theo biên lai thu số 0002328 ngày 19/5/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

[7.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Anh N kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của anh Trần Văn N. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 101/2022/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều

29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Kiều V, sinh năm 1993 và anh Trần Văn N. Sinh năm 1991.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Trần Tú N1, sinh ngày 29/10/2012 cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Giao cháu Trần Tú N2, sinh ngày 08/01/2019 cho chị Nguyễn Kiều V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3. Buộc chị Nguyễn Kiều V giao cháu Trần Tú N1, sinh ngày 29/10/2012 cho anh Trần Văn N.

2.4. Chị Nguyễn Kiều V và anh Trần Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

2.5. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V và anh N không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V, anh N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm:

4.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Kiều V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị V đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0002328 ngày 19/5/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Văn N không phải nộp.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời. hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- UBND xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn